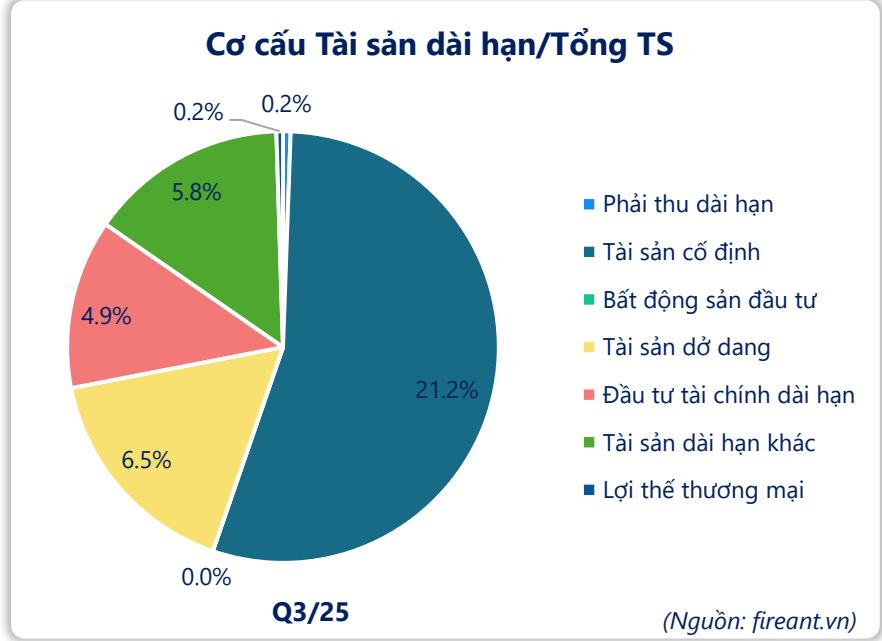
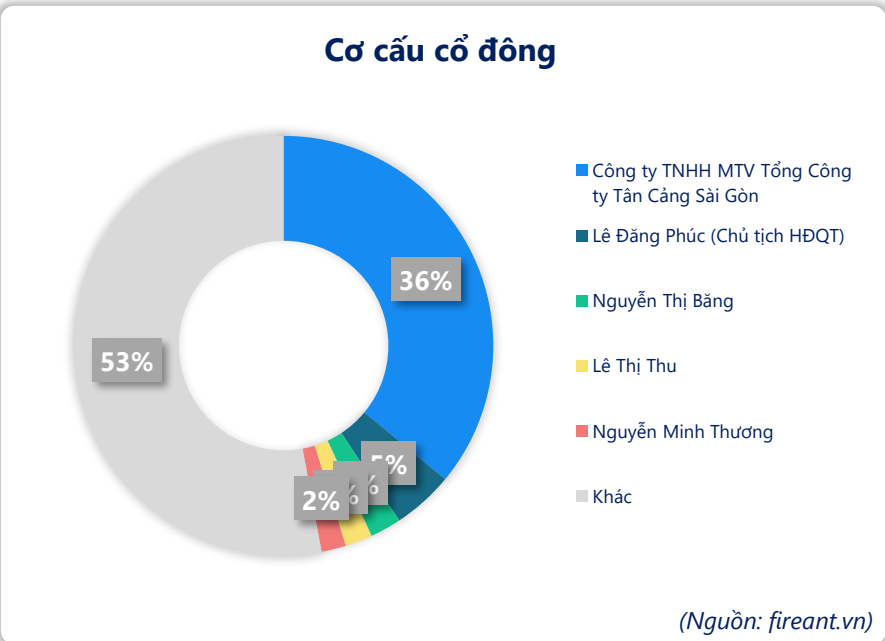
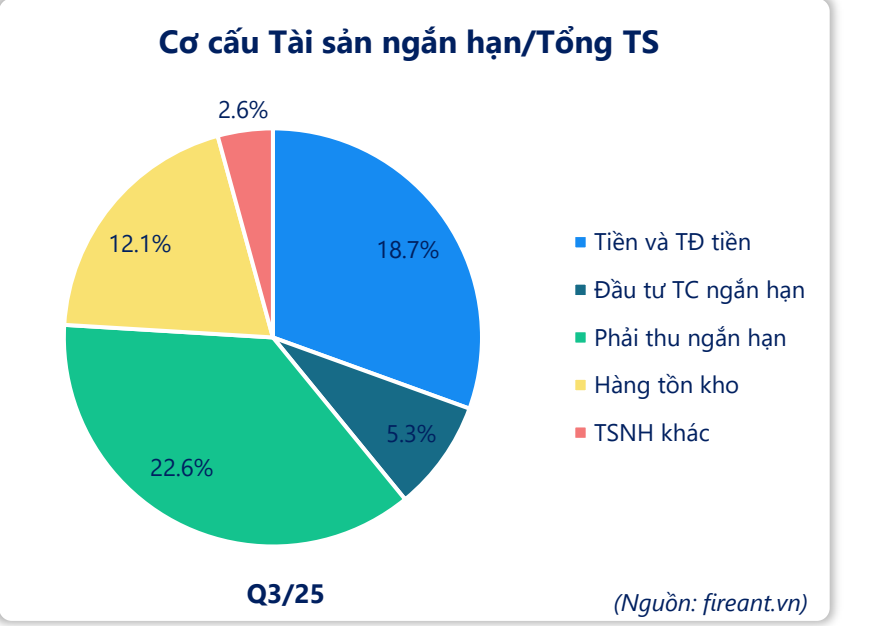
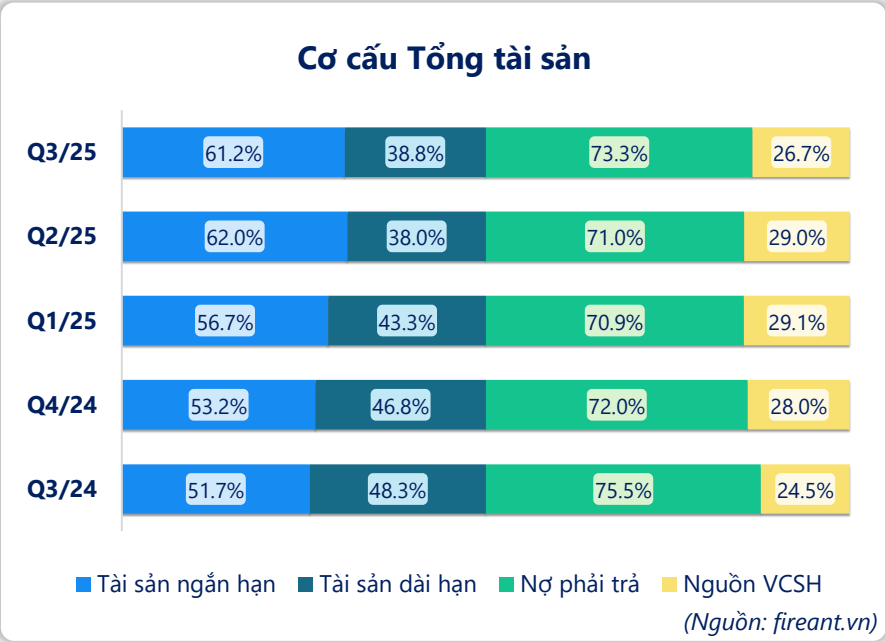
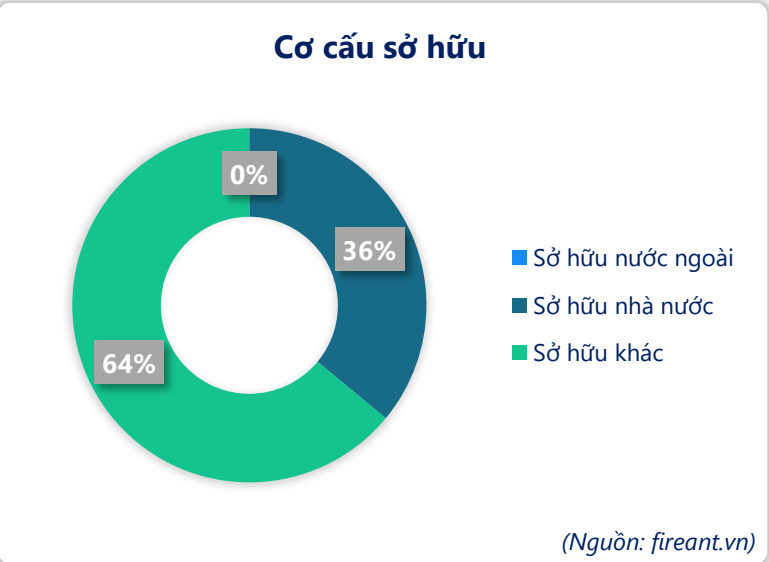
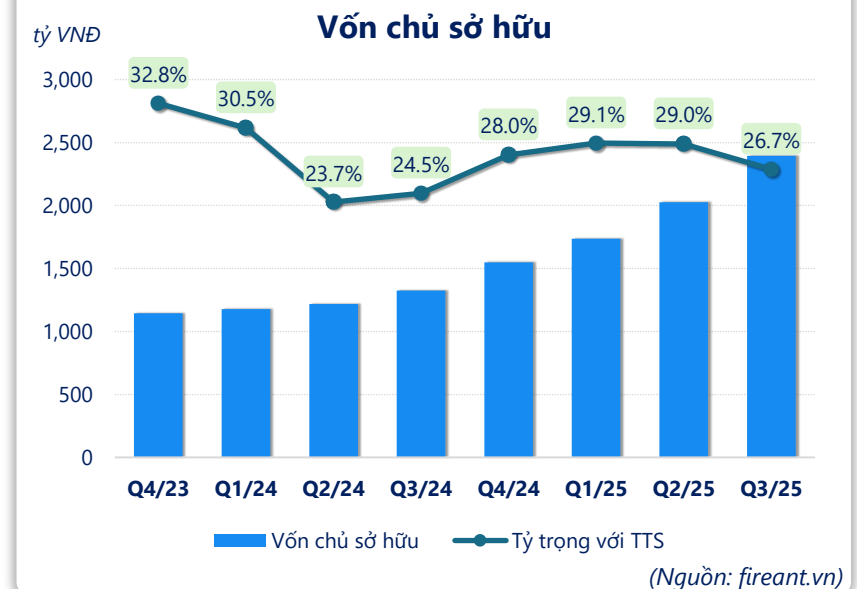
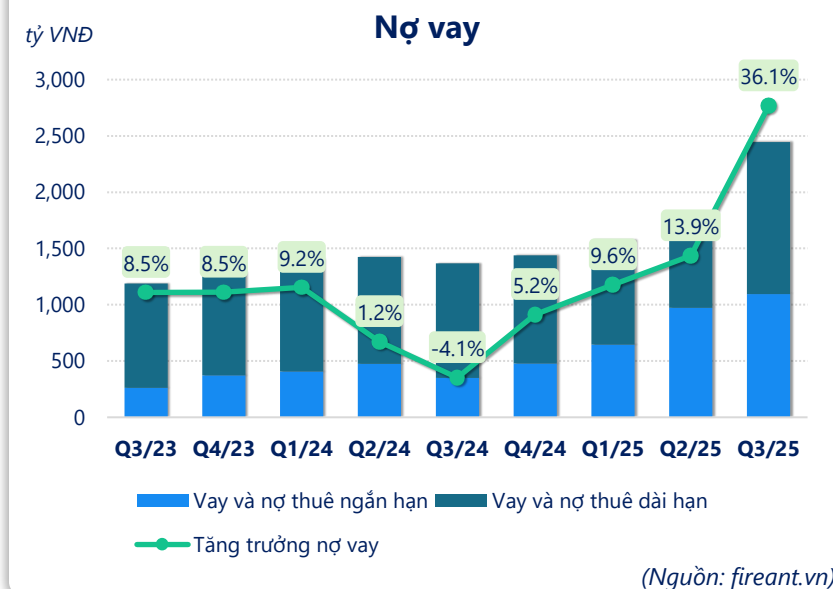
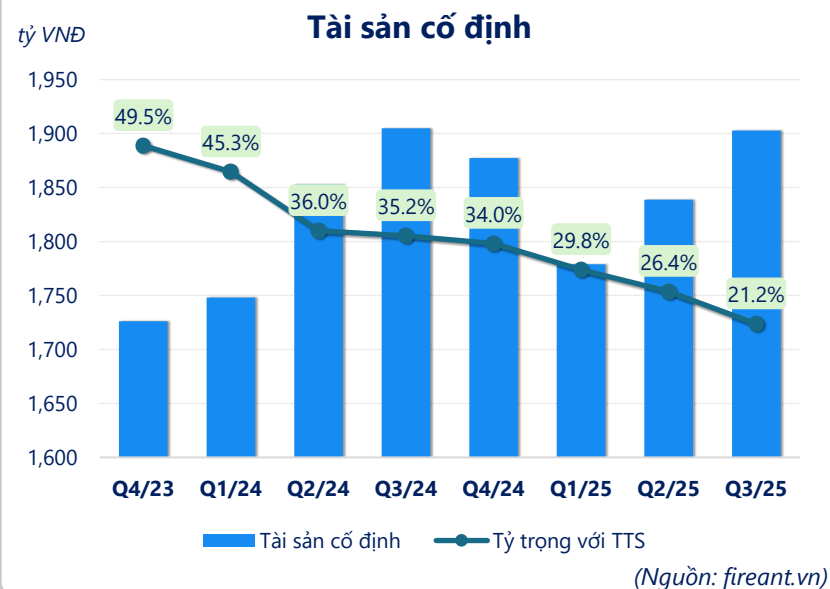
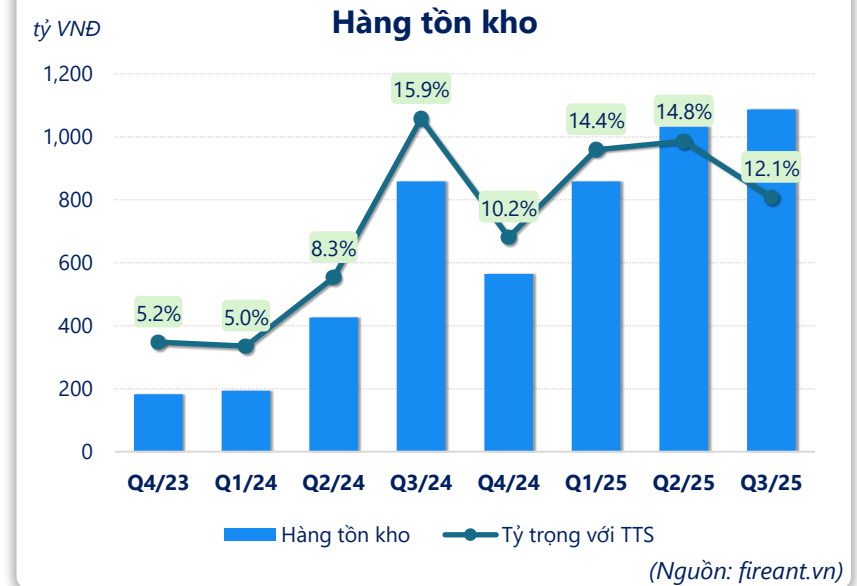
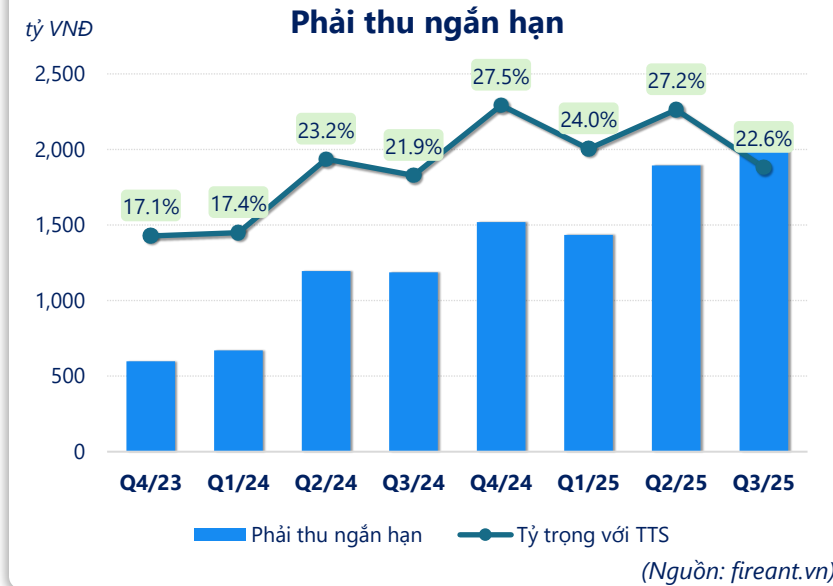
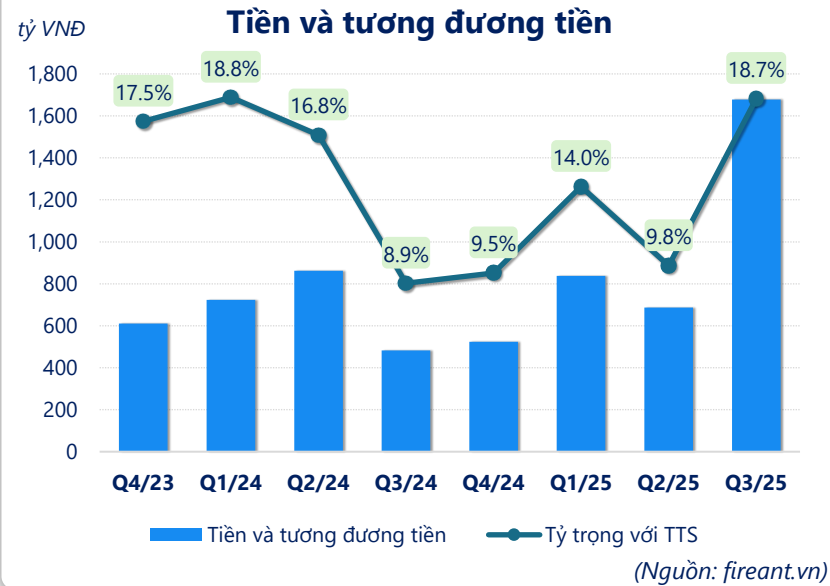
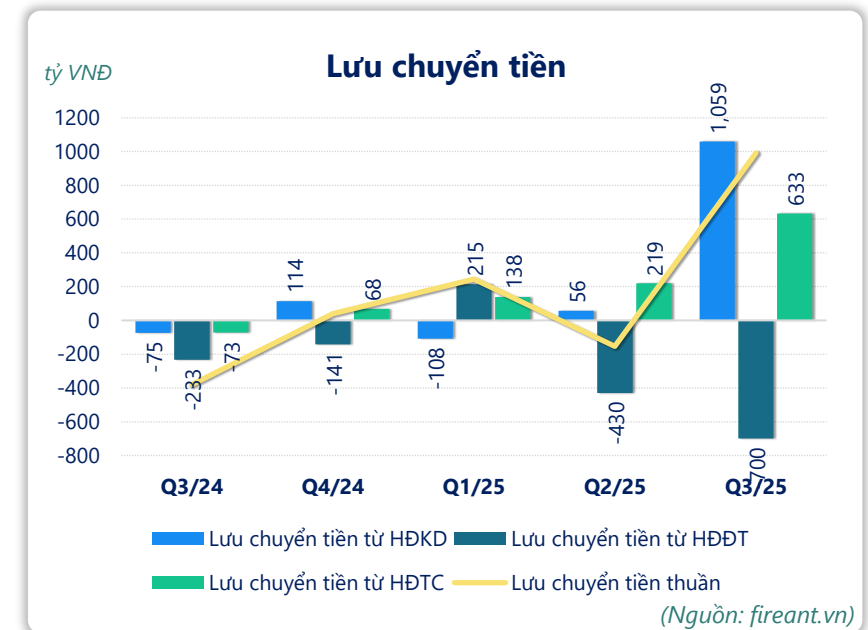
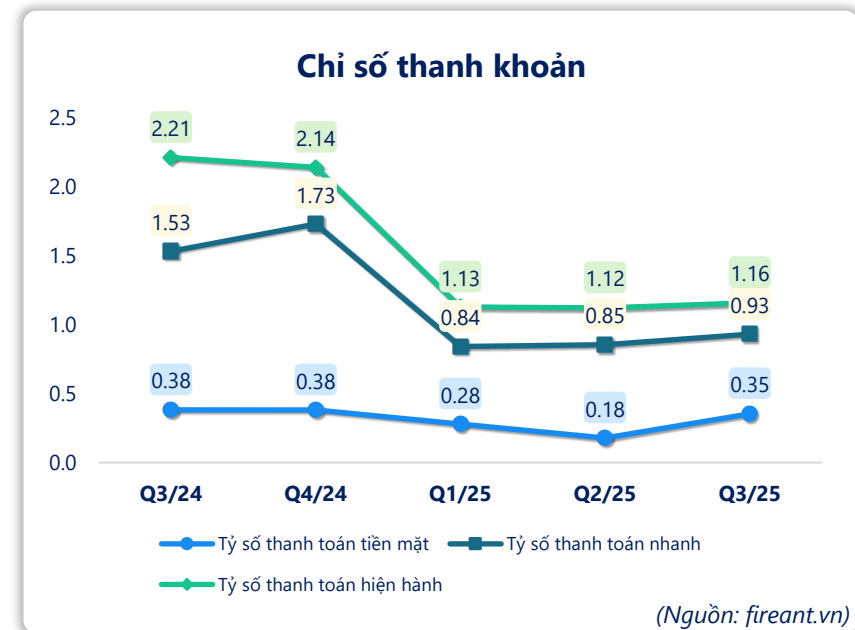
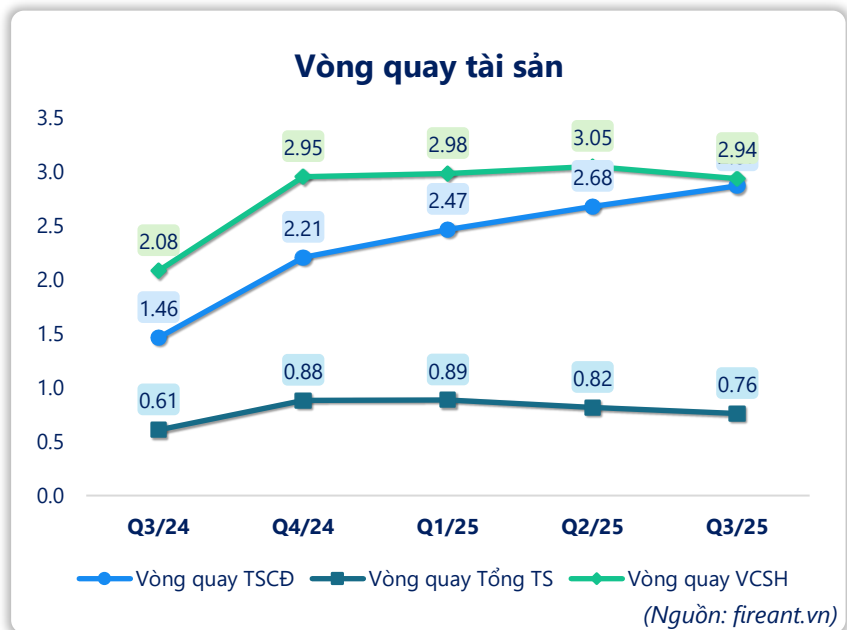
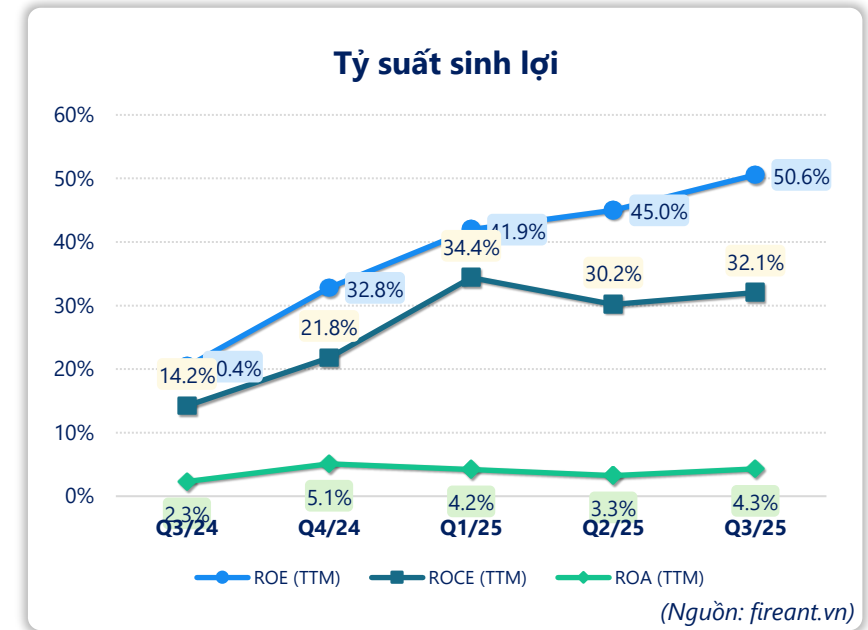
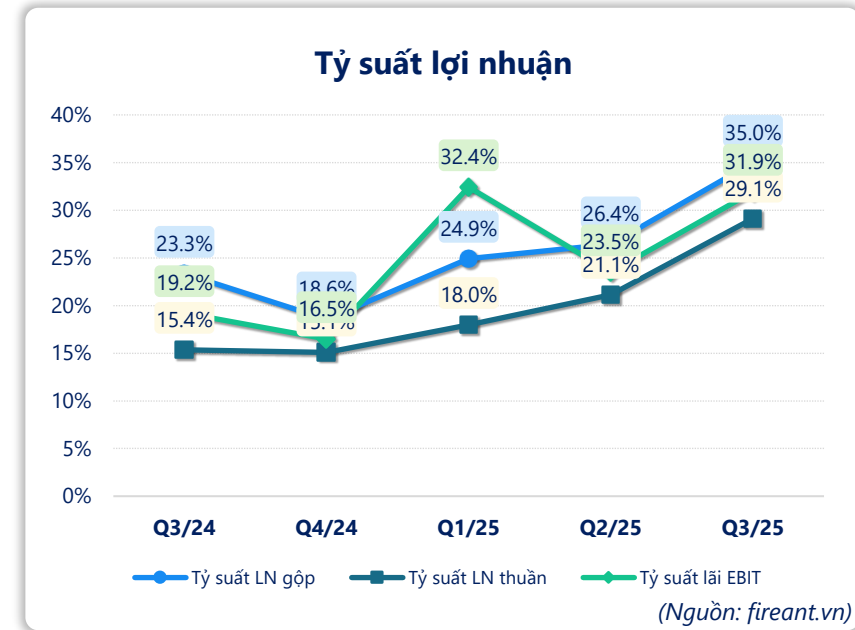
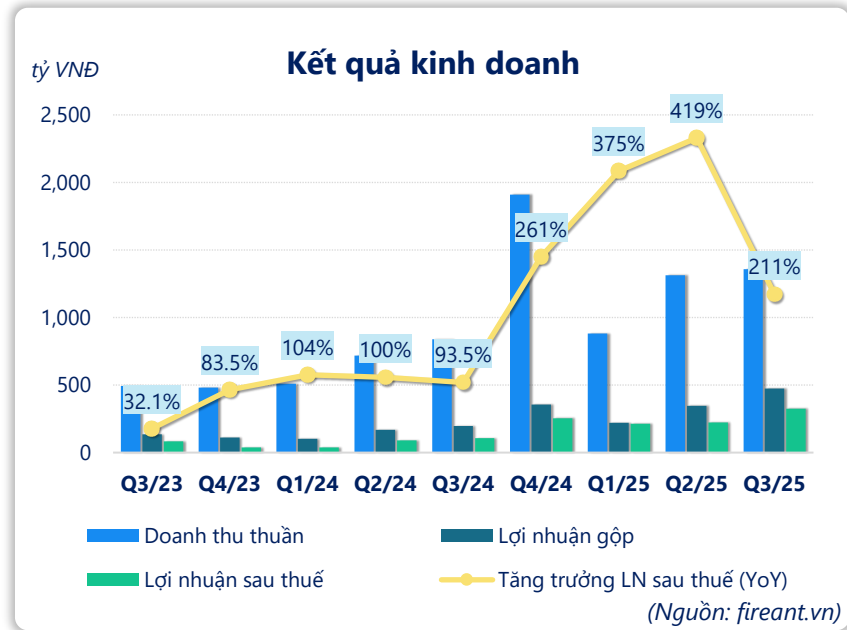


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		119,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		136,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		39,158
SL cổ phiếu LH		44,999,681
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,460
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,364
P/E		5.7
EPS		20,902

	YTD	1T	3T	6T
TOS	138.2%	-5.5%	7.1%	25.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,976	5,662	58.5%
Tài sản ngắn hạn	5,497	3,138	75.2%
Tiền và tương đương tiền	1,678	593	183%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	471	95.5	394%
Phải thu ngắn hạn	2,026	1,672	21.2%
Hàng tồn kho	1,087	635	71.4%
Tài sản ngắn hạn khác	234	144	62.9%
Tài sản dài hạn	3,479	2,523	37.9%
Phải thu dài hạn	19.8	24.1	-18.0%
Tài sản cố định	1,903	1,899	0.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	580	61.1	849%
Đầu tư tài chính dài hạn	441	441	0.2%
Tài sản dài hạn khác	517	96.0	439%
Lợi thế thương mại	17.1	2.02	746%
Nợ phải trả	6,580	4,137	59.1%
Nợ ngắn hạn	4,742	3,030	56.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,096	520	111%
Phải trả người bán ngắn hạn	566	526	7.5%
Nợ dài hạn	1,838	1,107	66.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,348	918	46.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,396	1,525	57.1%
Vốn chủ sở hữu	2,396	1,525	57.1%
Vốn điều lệ	450	310	45.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	840	1,910	881	1,314	1,358
Giá vốn hàng bán	644	1,556	662	966	883
Lợi nhuận gộp	196	354	220	347	475
Doanh thu HĐTC	0.34	5.17	3.69	14.4	5.41
Chi phí TC	37.4	31.6	30.3	39.7	42.6
Chi phí lãi vay	32.0	26.8	26.8	30.2	35.8
LN trong công ty LKLD	5.55	14.6	7.98	8.77	5.66
Chi phí bán hàng	4.70	4.68	4.60	5.02	6.60
Chi phí QLDN	30.8	49.7	37.9	48.1	41.6
LN thuần từ HĐKD	129	288	158	278	395
Lợi nhuận khác	0.29	-0.01	101	0.92	2.55
LN trước thuế	129	288	259	279	398
Lợi nhuận sau thuế	107	253	214	223	325
LNST của CĐ cty mẹ	96.8	229	206	197	308

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-74.7	114	-108	56.4	1,059
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-233	-141	215	-430	-700
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-72.6	68.0	138	219	633
Tiền đầu kỳ	863	483	593	838	687
Lưu chuyển tiền thuần	-380	40.3	245	-154	992
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	2.89	-0.01
Tiền cuối kỳ	483	523	838	687	1,678

(Nguồn: fireant.vn)